

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỚ CHÚ

QUYỂN 4

(Phần 1)

Bác bỏ Mãn Từ chấp tướng hỏi tánh, hiển bày Như-lai tạng, có bốn ý:

1. Thưa hỏi có ba:

1. Nói chung về chưa liễu ngộ, có ba:

a) Bày tỏ cung kính khen ngợi:

Bấy giờ, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử ở trong đại chúng, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải sát đất, chấp tay cung kính bạch Phật: Rằng bạch Đại oai Đức Thế tôn, xin Ngài giảng nói đệ nhất nghĩa để cho chúng sinh nghe.

Như-lai nói pháp, đại chúng đều ngồi, có điều gì muốn hỏi trước phải đứng dậy cung kính. Cách thức cung kính không lìa ba nghiệp.

Quy thẳng chấp tay thuộc về thân.

Cung kính thuộc về ý.

Thưa bạch thuộc về miệng.

Tâm Như-lai tạng chẳng phải không, chẳng phải có, tức tánh tức tướng, gọi là đệ nhất nghĩa.

Đây là điều Phật chứng, chắc chắn không luống dối, xem xét đúng như thật gọi là Đế.

b) Dẫn dắt nói lại sự mê:

Đức Thế tôn thường khen con là người nói pháp bậc nhất, trong những người nói pháp nay nghe pháp âm mâu nhiệm của Như-lai, giống như người điếc, ngoài trăm dặm nghe được tiếng con ve. Vốn không thấy được hướng chi được nghe. Phật tuy giảng nói làm cho con dứt trừ mê hoặc, nay còn chưa rõ nghĩa này, rốt ráo không có nghi ngờ.

Mãn Từ Tử là người khéo nói pháp yếu, đại chúng suy tôn Ngài là vô thượng. Nay nghe lời Phật nói, chưa ngộ giải hết, giống như người tai điếc với tiếng nhỏ xíu xa hơn trăm bước, làm sao phân biệt rõ được.

Đệ nhất nghĩa để nhiệm mâu vắng lặng, là tiếng nhỏ nhiệm, nghe

mà không hiểu và không nghe là giống như người điếc. Đường ngôn dứt, chỗ tâm hành diệt là qua trăm bước nói pháp này để cho con dứt hết mê hoặc, vẫn còn dính mắc vào lưới nghi, chưa kết hối, cho nên dẫn ra so sánh.

c. So sánh nói về được mất:

Bạch Đức Thế tôn! Các vị như A-nan v.v... tuy là khai ngộ mà tập khí hữu lậu chưa dứt. Chúng con ở trong hội đã được vô lậu. Tuy dứt trừ các lậu, nay nghe pháp âm của Như-lai nói vẫn còn khúc mắc nghi ngờ.

Khai ngộ: Như trước được bốn tâm nhiệm mầu thường trụ bất diệt. Người Tiểu thừa hữu học mới dứt phân biệt, câu sinh vẫn còn. Gọi là tập khí hữu lậu chưa dứt. Ngài Mãn Từ Tử là bậc Vô học dứt kết câu sinh. Đây là nói theo chương phiền não của Tiểu Thừa.

Hỏi: Tại sao bậc Vô học mà còn nghi ngờ khúc mắc, mà người chúng Sơ quả lại giải ngộ không nghi ngờ?

Đáp: Hai chương: Phiền não và sở tri khác nhau, do nhân chấp pháp nặng nhẹ khác nhau.

Cho nên luận Chánh Lý chép: Có khi đối với cảnh mà người trí không bằng người ngu. Ấy gọi là phạm phu khéo thông Ba tạng. La-hán không biết muối đỏ, vì chương sở tri làm chương ngại lý pháp giới.

La-hán tuy được vô lậu, phiền não nhẹ, còn khúc mắc nghi ngờ sở tri rất nặng, A-nan tuy được khai ngộ sở tri nhẹ, tập khí hữu lậu chưa dứt nên phiền não nặng.

2. *Trình bày riêng về điều nghi, có hai:*

a) Nghi tạng tánh sinh ra tướng:

Bạch Đức Thế tôn! Nếu tất cả căn trần, ấm, xứ, giới trong thế gian đều là Như-lai tạng thanh tịnh bốn nhiên, tại sao bỗng sinh ra các tướng hữu vi núi sông đất đai, lần lượt trôi lăn, đến cuối rồi lại đầu?

Năm câu đầu là dẫn ra điều đã nghe. Tức đồng với Viên Giác, lương Tạng chép: Nếu các chúng sinh xưa nay thành Phật. Câu vì sao bỗng sinh v.v... trở xuống là nói về nghi hỏi, tức đồng với kia nói vì sao lại có tất cả vô minh, kia hỏi lại rằng: Nếu các chúng sinh vô minh vốn có thì vì Như-lai lại nói xưa nay thành Phật. Nay kinh không có hỏi điều này, vì ý đã chứa đựng rồi, lại có nhắc lại mà tha hồ trách lỗi vô cùng, tức đồng với văn dưới đáp riêng có ngăn ngại.

Nhưng điều Cương Tạng hỏi tử mĩ thành khó, văn nhóm một chỗ nối tiếp liền nhau. Như-lai đáp giải thích cũng chỉ chung rằng. Thế gian đầu cuối, niệm niệm nối tiếp nhau, tất cả đối đãi, đều do nói về tánh

giác thì tánh giác trở thành các thứ trôi lăn. Cho đến kết thúc rằng: Phân biệt như thế chẳng phải hỏi đúng. Nay kinh hỏi đã lần lượt, đáp cũng tùy theo câu hỏi. Ý của hai kinh đáp đủ, lược tuy khác nhưng yếu chỉ lại đồng.

Như kinh ấy chép: Các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, chưa ra khỏi luân hồi mà nói về Viên giác thì tánh Viên giác kia đồng với trôi lăn, nếu thoát khỏi luân hồi thì không có việc đó. Đây là trách Cương Tạng không rõ tự tánh viên giác dứt bật các đối đãi, sinh tử và Niết-bàn giống như giấc mộng đem qua, rồi dẫn vô minh, sinh tử, hữu vi trở lại thành nghi để gạn hỏi chúng sinh xưa nay thành Phật. Cho nên Phật bác bỏ đây chính là tâm cấu. Sinh tử phân biệt vọng thấy, rồi làm cho viên giác thành trôi lăn, do đây nêu ví dụ về Vân sử, Nguyệt Vận, Đan Hành, Ngạn Di v.v...(tám trăm bảy mươi bốn) Kinh nay thường nói bốn tánh giác thể diệu minh, minh diệu mà trở lại trách, nói ngài Mãn Từ Tử dứt được tâm mê hoặc. Dứt thì giác biết thể bốn diệu vô minh vốn không, núi sông đất đai như hoa đốm trong hư không, thì đâu dẫn đến sự nghi ngờ. Mê hoặc thì năng sở vọng phân, giác mạnh bỗng khởi, ba tế làm gốc, bốn luân thành giới. Bèn có thể giới chúng sinh nghiệp quả nối nhau.

Đây là chưa ra khỏi luân hồi mà nói về tánh Viên giác thì tánh Viên giác kia đồng với trôi lăn, cho nên ý hai kinh hỏi đáp đều đồng. Nhưng đây là nghi nạn rất lớn môn pháp không, rất chướng ngại cho sự tu chứng. Dấu vết của ngài Mãn Từ Tử tuy là Tiểu Thánh, kinh nay viên thông thuật ngộ đều là then chốt, cho nên điều trình bày gạn hỏi Cương Tạng không khác, đến đây người học xin xem cho kỹ.

b) Nghi đại tánh đều cùng khắp:

Lại, Như-lai nói bốn tánh của đất nước lửa gió viên dung trùm khắp pháp giới, vắng lặng thường trụ. Bạch Đức Thế tôn! Nếu tánh địa trùm khắp làm sao lại dung chứa được nước. Tánh nước trùm khắp thì lửa không sinh, làm sao nói về hai tánh nước lửa?

Hai tánh nước lửa trùm khắp hư không, chẳng xung đột nhau.

Bạch Đức Thế tôn! tánh đất chướng ngại, tánh hư không thông suốt, vì sao nói cả hai đều trùm khắp pháp giới? Đây là y theo thế để tánh nước lửa khác nhau mà hỏi về tánh tướng của đệ nhất nghĩa đều dung thông. Văn dưới đáp rằng: Quán tướng vốn vọng, không thể chỉ bày, quán tánh vốn chân chỉ là diệu giác minh.

Diệu giác minh tâm trước không phải là nước lửa, vì sao lại hỏi về nghĩa xung đột nhau?

Kết cả hai, xin chỉ dạy.

Mà con không biết nghĩa này thế nào, cúi mong Như-lai rũ lòng đại từ, vớt tan đám mây mù cho con và các đại chúng. Nói xong, năm vóc gieo sát đất lắng lòng nghe những lời chỉ dạy vô thượng của Như-lai.

Du nghĩa là chỗ. Y theo lời nói thì bỗng nhiên thanh tịnh khắp nhau dung nhau. Y theo đây thì rõ ràng như vậy, núi sông rất trái với nước lửa, không biết chỗ đến thì ai đúng ai sai, nguyện rũ lòng từ bi chỉ dạy, hy vọng không còn mê hoặc.

2. Hứa giảng nói, có ba:

1. Giải thích:

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Phú-lâu-na và các vị A-la-hán Vô học, lậu tận trong hội rằng: hôm nay Như-lai giảng nói về tánh của thắng nghĩa chân thật trong các thắng nghĩa cho đại chúng khắp trong hội này. Như-lai thường y theo hai đế nghĩa thế tục đế và thắng nghĩa đế để nói pháp. Nhưng điều ở đây nói khác với điều thường nói, đó là thắng nghĩa đế trong thắng nghĩa đế, thật tướng Trung đạo nhất chân pháp giới chẳng có pháp nào không thu nhận, chẳng có pháp nào không trùm khắp. Trên Thánh dưới phàm, tình và vô tình đều thành Phật đạo. Đây là nêu lên quy cách cuối cùng.

2. Nói về lợi ích:

Giúp cho con là Thanh Văn định tánh trong hội và tất cả A-la-hán chưa được hai không hồi hướng vô thượng đều được Nhất thừa vắng lặng trường địa chân A-luyện-nhã chỗ tu hành chân chánh, phương tiện dạy nói, Nhị thừa định tánh. Xiển-đề Vô tánh không được thành Phật như những hạt giống mầm mộng đã bị hư thối. Nay ở đây là hội thông, đều trở về Nhất thừa rốt rác Niết-bàn. Kinh Niết-bàn chép: Ta đối với kinh khác có nói Thanh Văn không được thành Phật, không phải đối với kinh này nói như thế, Niết-bàn Phật tánh tức Như-lai tạng, cũng gọi là Nhất thừa, cũng gọi là Thủ-lăng-nghiêm, hai kinh đồng vị, không thích hợp hay sao?

Đây chính là hội thông năm tánh, dung thông ba thừa, bàn luận liễu nghĩa, không gì hơn ở đây.

A-lan-Nhã, Hán dịch là vô huyền tạp. Thủ-lăng-nghiêm Vương: là định rất vắng lặng của Chư Phật, là chỗ tu hành chân vô ngại tạp chánh.

3. Khuyến nghe:

Nay ông lắng nghe ta sẽ nói cho.

3. Lắng nghe:

Phú-lâu-na v.v... khâm phục pháp âm của Phật, im lặng lắng nghe.

4. Đáp giải thích, có hai:

1. Đáp nghi tạng tánh sinh tướng, có hai:

a) Chánh đáp Thắng nghi, có ba:

a.1) Nhắc lại nghi:

Phật bảo: Nay Phú-lâu-na, như lời ông nói, thanh tịnh bốn nhiên tại sao bỗng sinh ra núi sông đất đai.

a.2) Chánh đáp, có hai:

- *Chỉ có một chân tâm.*

Thầy thường không nghe Như-lai nói về giác tánh diệu minh bốn giác minh diệu hay sao?

Phú-lâu-na thưa: Vâng! Bạch Đức Thế tôn, con thường nghe Phật nói về nghĩa này: tâm nhất chân như là Phật thường nói, hoặc gọi là pháp giới, hoặc gọi là tướng Thật, hoặc gọi là tánh Như-lai tạng, hoặc là Diệu tịnh minh tâm. Trong một kinh còn có nhiều tên, huống chi là nhiều kinh? Tên tuy có khác nhưng cùng một thể không khác nhau, đều là nói về Nhất tướng của pháp giới vốn bình đẳng. Ba khoa bảy đại luống đối có sinh, luống đối có diệt. Sinh diệt đến đi vốn là Như-lai tạng bất động chân viên, tánh diệu chân như, trong tánh chân thường mà tìm đến đi, mê ngộ, sinh tử, hoàn toàn không thật có. Nếu hiểu rõ ý chỉ này thì vì sao núi sông bỗng khởi, hữu vi trôi lăn, đâu cần thưa hỏi Như-lai? Cho nên nay trách hỏi, đã giải thích nghi rồi. Ở đây đáp theo môn Chân như, theo thể bất tướng.

Tánh giác vốn giác là chỉ cho thể. Diệu minh minh diệu là dụng. Hiển bày không nhờ người khác nên nói là tánh giác. Vì tánh nó tự giác, vì tánh tự sáng, đâu từ người, vì hiển bày rõ không có thỉ giác nên gọi là Bản giác, vì vốn là giác, vì vốn là minh, đâu thể do thỉ giác mà có, lại vì thể không thay đổi nên gọi là tánh giác. Vì tướng chẳng sinh khởi nên gọi là Bản giác. Thể tướng vắng lặng, suy nghĩ hay dùng lời nói không thể diễn tả được, nên gọi là Diệu.

Sáng suốt không mờ tối, mê hoặc không thể làm cho tối tăm nên gọi là minh, diệu minh, minh diệu lời nói qualại. Hoặc có thể vắng lặng mà thường chiếu soi, nên gọi là diệu minh, chiếu soi mà thường vắng lặng nên gọi là minh diệu. Đây là nói về Nhất tướng của pháp giới chân giác không hai.

Kinh Viên Giác chép: Vì tất cả giác cho nên viên giác chiếu khắp vắng lặng không hai. Người xưa giải thích mỗi người tùy theo ý của

minh, v.v... ở trong đó, không thể trình bày đủ.

Khởi các pháp vọng tức y theo môn sinh diệt tùy duyên thành sự để giải thích, văn có ba:

- *Hỏi chung về giác minh.*

Phật dạy: Ông gọi là giác minh, là tánh minh gọi là giác, hay là giác không minh mà gọi là minh giác. Một lời hỏi này để quyết định giải mê hoặc ấy.

Giải thì không hợp với điều nghi, mê hoặc thì không phải hỏi đúng. Ý nói ông nghe ta nói tánh giác diệu minh là làm sao hiểu, hay giác thể này bỗng tánh tự sáng gọi là giác minh, hay là giác tự không sáng do giác tha mới sáng, giác và minh khác nhau nên gọi là minh giác. Tên giác minh do đâu mà lập ra. Cho nên nói ông gọi v.v... Hai ý này, một chánh một tà, nhất định Mãn Từ Tử đáp là đắc ý nào, được điều này thì không nghi, nhận tà thì sinh vọng, cho nên một lời hỏi này chắc chắn là giải trừ mê hoặc.

a.3) Đáp do sở giác.

Phú-lâu-na nói: Nếu giác này không sáng mà gọi là giác thì không có chỗ sáng.

Y theo ý này để đáp thể của giác tự không thể giác, chắc chắn phải nhờ vào cái sáng khác làm sở giác. Nếu không có cái sáng của sở giác thì chỉ có thể gọi là Giác, không thể gọi gồm là giác minh. Nếu muốn gọi gồm là giác minh thì về phải có minh làm sở giác. Đây chỉ là nhận tà, cho là gốc sinh khởi vọng pháp. Bỗng ý của Phật là tánh giác vốn sáng, không cần nhờ vào cái khác mà gọi là minh giác, giác diệu minh diệu, giác viên minh viên, một tướng minh giác không hai không khác. Đây chỉ là chân giác không có pháp nào khác, trừ một tướng Thật đều là việc ma. Ngài Mãn Từ Tử khởi giáo, chỉ bày tự biết, vọng nhận sở minh, bèn thành mê hoặc điên đảo.

b) Y theo chấp trình bày vọng:

(Tám trăm bảy mươi lăm)

- *Phá kiến chấp năng sở của Mãn Từ Tử, có ba:*

+ **Phật bảo:** Nếu chẳng có sở minh thì chẳng có giác minh, có chỗ chẳng phải giác. Hai câu đầu nhắc lại chung sở chấp. Nếu chấp vào lời nói của ông, phải có sở minh mới gọi là minh giác. Nếu người không có sở minh thì không có minh giác.

Phật liền bác bỏ rằng: Có sở chẳng phải giác, ý nói nếu có năng và sở thì đâu gọi là chân giác. Chân giác là lia tướng năng, sở.

Bài kệ thấy đạo rằng:

*Nếu lúc đối sở duyên
Trí đều không thật có.
Bấy giờ, trụ duy thức
Vì là tướng hai chấp.*

Kinh nói: Không rõ tâm và duyên thì hai vọng tướng sinh ra, rõ tâm và cảnh giới, thì vọng tướng không sinh.

Văn trên nói: Lỗi của năng giác và sở giác, giác không phải ở trong lỗi lầm. Cho nên biết có sở chẳng phải chân giác.

+ Bác bỏ tánh vi diệu chẳng phải vắng lặng sáng suốt:

Không có sở thì chẳng có minh, chẳng có minh thì không có tánh vắng lặng sáng tỏ của bản giác. Một câu đầu là nhắc lại riêng sở minh, nếu như lời ông nói, chắc chắn có sở minh, mới gọi là giác minh, nếu không có sở minh chỉ gọi là Giác.

Hai câu kế bác bỏ rằng: Như-lai thường nói tánh vắng lặng sáng tỏ của bản giác, điều không phải minh cho được!

Nếu Phật không phải minh thì không gọi là tánh vắng lặng sáng tỏ của bản giác.

+ Kết luận chỉ ra hai giác chân và vọng.

Vì tánh giác là minh, vọng cho là minh giác. Câu trên là kết thúc chân, câu dưới là kết thúc vọng. Tánh giác chắc chắn có chân minh. Cho nên nói tánh giác diệu minh, bổn giác minh diệu. Vọng cho là minh khác với giác, cho nên ông nói: Nếu có sở minh thì không có minh giác. Vì có sở minh mới gọi là giác minh, cho nên hiểu được kiến hoặc thì khả năng thể phân biệt.

5. Chính là hiển bày nguồn gốc mê chân khởi vọng, có hai ý:

1) Nói chung vọng giác nhờ tướng của chân.

Bổn giác không phải sở minh, do minh mà lập sở. Thể của chân giác vốn có diệu minh, do minh mà lập sở. Thể của chân giác vốn có diệu minh, không chạy theo duyên sinh, không do cảnh khởi lên, xưa nay pháp giới Nhất tướng vắng lặng chiếu soi. Cho nên nói giác không phải sở minh, do chân minh này, không rõ vô minh nên vọng chấp là sở. Do đó một niệm vừa khởi thì bổn hoặc đều sinh, vốn là tướng ban đầu của thức đều là đây.

Luận Khởi Tín nói: Do biết không đúng như thật đối với chân như pháp nhất, cho nên bất giác tâm móng khởi mà có niệm kia.

Lại nói: Bất sinh bất diệt hòa hợp với sinh diệt, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi đó là thức A-Lại-da. Do chân minh này bị chấp mà lập sở minh, đây là chân như không giữ tự tánh. Vì vọng kiến nên cho

là sở tướng. Như ở trước ánh đèn vì bị nhặm mắt nên thấy có quang ánh sáng tròn. Đó gọi là vô minh trụ địa từ vô thỉ.

Kinh Anh Lạc nói: Bốn trụ địa trước làm cho không có pháp khởi lên. Cho nên nó rất sâu kín, tức là sở tướng này.

2. *Nói rộng về ba tướng, xoay vần sinh ra lý do, có hai ý:*

a) Lập ra tướng nhân, có hai.

Chỉ riêng về ba tướng, có ba: a.1.1)

Tướng khác:

Sở đã vọng lập, thì sinh ra cái năng minh luống dối của ông, đối với không đồng khác, rõ ràng thành khác.

Luận Khởi Tín gọi là tướng nghiệp, cho nên luận chép:

Vì nương vào bất giác cho nên tâm động gọi là Nghiệp, giác thì không động, động thì có khổ, vì quả chẳng lìa nhân. Kinh này gọi là dị tướng, dị có hai nghĩa:

- *Tướng vọng luận dị*: Bất giác thì động, giác thì bất động, vì động dị chẳng động.

- *Đương thể luận dị*: Vì tướng nghiệp này có năng và sở, vì có sinh có diệt.

Nay kinh này nói: Sở minh đã vọng lập thì sinh ra cái năng minh luống dối của ông, tức là Đương thể luận dị. Chân giác diệu minh vốn chẳng phải tướng năng sở, vô minh bất giác vọng nhân là sở. Vì vọng thành nên vọng năng sinh theo, hai tâm năng sở không lìa nhau, đối với không đồng khác mà vọng chấp thành khác, tức là Tướng vọng luận dị.

Thể của Nhất chân xa lìa sự nói năng, xa lìa tướng tâm duyên, cho nên chẳng có đồng và khác, vọng phân biệt năng sở, hai tướng bỗng khởi lên, rõ ràng thành lập tướng dị vô tướng, cũng gọi là tướng động, vì khác với tâm yên tĩnh.

Tướng đồng:

Khác với sở dị kia, do dị mà lập đồng. Luận Khởi Tín gọi là chuyển tướng, cho nên luận rằng: Vì nương vào động cho nên thấy được, không động thì không thấy. Chuyển là khởi, vì chuyển trước tâm động khởi lên trước liền thành năng kiến, nay nói khác với sở dị kia. Năng dị tức là tướng đồng, sở dị tức là tướng khác, muốn khác với tướng dị phải đặt tên đồng. Khác trước là đối với chân, dị ở đây là đối với khác, đối đãi với khác để lập động. Lại vì hiển hiện thô cùng gọi là tướng vắng lặng, vì tĩnh khác với động, tĩnh này đối đãi với động, nhưng không phải tĩnh dứt đối đãi, cho nên nói nhờ dị mà lập đồng.

Tướng không đồng khác:

Tướng đồng khác đã sinh, từ đó lại lập ra cái không đồng khác. Luận Khởi Tín gọi là hiện tướng, cho nên luận rằng: vì nương vào cái năng thấy mà vọng hiện ra cảnh giới, là cái thấy thì không có cảnh giới. Cho nên ba cảnh của thức A-lại-da hiện ra. Nay nói tướng đồng khác đã sinh, do so sánh với hai tướng đồng và khác ở trước phát ra, làm cho tâm tướng chuyển thô tạo thành cảnh bên ngoài, hình đối với hai tướng trước mà đặt ra tên gọi này, chẳng phải tướng yên tĩnh ở trước nên nói chẳng đồng, chẳng phải tướng xao động ở trước nên nói không khác.

Đây là đồng khác đối đãi với không đồng khác, không có bật dứt đối đãi với không đồng khác, cho nên nói tướng đồng khác đã sinh. Ba tướng này là giới hạn của bản thức, sinh diệt trôi lăn niệm niệm không ngừng, không phải sở giác năng giác của phàm phu, Nhị thừa, do một niệm vô minh khởi lên, luận Khởi Tín gọi là bất tương ưng nhiễm, chỉ có Phật mới biết cùng tận, nên văn dưới nói: Nương vào vô minh huân tập khởi lên thức, phàm phu không thể biết, trí tuệ của hàng Nhị thừa cũng không biết được. Nghĩa là nương vào Bồ-tát từ lúc mới chánh tín phát tâm quán sát, nếu chứng được pháp thân biết được chút ít, cho đến Bồ-tát ở địa rốt ráo cũng không thể biết hết, chỉ có Phật mới hiểu hết.

Chỉ chung giải thích thành.

Nhiều loạn như thế đối đãi nhau sinh ra mỗi một, mỗi một lâu phát ra trần, tự lẫn lộn nhau. Hình thể đối đãi không dứt bèn thành mỗi một, như bụi mắt thì có hoa đốm lăng xăng. Ba tướng luống dối làm nhiễm ô chân tánh, nên gọi là trần. Cản trở tự thể thanh tịnh làm mất đi sự trong sáng, gọi đó là trước. Thô tế của trước, gọi là năm trọng tướng, như ở dưới nói rộng, đều do ba tướng này là căn bản.

b) Nói về tướng quả, có hai ý:

b.1) Do nhân dẫn đến quả, có hai.

Từ tế dẫn đến thô.

Do đó, phát khởi trần lao phiền não, do ba tế trước mà sinh ra bốn tướng thô, nghĩa tướng của trí nối nhau chấp vào tên. Bốn thô này là thể của hai chướng, vì huân tập vọng tưởng bên trong và cảnh giới bên ngoài nhân duyên đầy đủ, do đó mới sinh, cho nên nói dẫn khởi, nhiễm ô, một nhọc, tạo nghiệp, chịu báo, trôi lăn không cùng đều do đây, tức là con đường phiền não.

b.2) Nghiệp chủng của chúng sinh là hai tướng thô sau.

Luận Khởi Tín nói: Vì có duyên cảnh giới lại sinh ra sáu tướng, ở đây là sáu tướng thô.

Từ trong cảm đến ngoài.

Khởi sinh thành thế giới, vắng lặng thành hư không, hư không là đồng, thế giới là khác, không có đồng khác là pháp hữu vi. Khởi là động, động là tướng khác, khác là sai biệt, là thể của thế giới. Thế là đời đời, giới là nơi chốn, lần lượt chuyển đời cách biệt khác nhau, nên gọi là thế giới, đều do bên trong có tướng khác làm gốc (tám trăm bảy mươi sáu). Cho nên nói khởi thành thế giới, tĩnh là tướng đồng gọi là không khác, hình thể ở trước loạn động khác nhau, nên gọi vắng lặng, là thể của hư không. Luống đối không chuyển động khác nhau, do bên trong có tướng đồng. Tĩnh đối với động là nhân này, cho nên nói vắng lặng thành hư không. Hai câu từ hư không, v.v... trở xuống là kết do hai tướng. Từ hai câu kia không phải đồng v.v... khác trở xuống là chỉ cho hiện tướng, cũng gọi là hiện thức. Đây là y theo ba tướng A-lại-da mà đầy đủ thành tựu vị, đó là chân pháp hữu vi, vì có công năng thành tựu tám thức, sáu trần và hạt giống căn thân.

Hai tướng trước, tuy cũng là hữu vi nhưng chưa đủ ba tướng, chưa làm được việc, nên thành tựu vị mới gọi là hữu vi. Lại một tướng này gọi là không đồng khác, lạm dụng thể giác chân như đã nói ở trước cũng chẳng đồng khác. Cho nên ở đây đặc biệt chỉ là pháp hữu vi, tức biết chẳng phải thật vô đồng khác.

Không đồng khác: Là nói chân vọng đều có, do sự lựa chọn này nên chẳng có sự lạm dụng nhau. Nhưng ba tướng này tuy nói có thứ lớp nhưng khởi lên thì cùng một lúc, ngoại khí hư không cảm được và căn của hữu tình, một niệm chợt hiện hành, cũng chẳng có trước sau, chẳng thể nói theo thứ lớp mà đòi hỏi sự hiện hành trước sau.

Nói về tướng quả, có ba:

1. Thế giới nối nhau, có hai:

a) Nói về tướng kia, có hai

Nói bốn luân khởi lên, có bốn: a.1.1)

Phong luân:

Giác minh không muội đối đãi nhau mà thành dao động, cho nên có phong luân giữ gìn thế giới, do trước đã vọng lập sinh ra vọng năng của ông.

Sở tức là ảnh minh, năng tức là vọng giác, giác minh này hoàn toàn là vô minh. Vô minh tối tăm trùm khắp pháp giới, liền thành hư không tối tăm. Nên văn dưới nói: Ông thấy hư không trùm khắp các cõi mười phương, cái thấy rõ không chẳng có sự phân biệt. Thấy tức vọng giác, một sáng một tối, một động một tĩnh, sát-na sinh diệt đối đãi

chẳng dứt. Sinh diệt ở bên trong gọi là dao động, bên ngoài thì thành phong luân sơ khởi, cho nên phong luân ban đầu của thế giới gọi là thí. Hư không là chỗ nương của thế giới, nên văn dưới nói: Mê vọng có hư không, nương vào hư không mà lập ra thế giới.

Kim Luân:

Do hư không sinh dao động, giữ chặt các sáng suốt lập thành chướng ngại, Kim bảo kia là minh giác lập thành cứng chắc, cho nên có Kim luân giữ gìn cõi nước, vô minh sinh diệt đối đãi không dứt, nên nói do tánh sinh dao động, cố chấp cái sở minh, giữ chặt không bỏ, cho nên nói giữ chặt minh lập thành chướng ngại, đối với bên trong là chấp chặt giác minh, ở bên ngoài thì thành thứ lớp khởi lên kim luân. Cho nên nói vầng báu kia là minh giác lập thành cứng chắc, nên biết tánh báu nhờ giác minh mà có. Vì thế các vật báu đều có tự thể cứng chắc mà dụng thì sáng tỏ.

Hỏa luân:

Giữ vững tánh giác thì báu thành, minh dao động thì gió nổi lên, Kim luân và phong luân cọ xát nhau, nên có ánh lửa làm thành tánh biến hóa. Hai câu trước chỉ cho hai tánh trước. Về nguyên nhân sinh ra lửa, bên trong thì sinh diệt không dừng, giữ chặt không bỏ, bên ngoài dao động không dứt, cứng chắc khó phá hoại, khi xúc chạm nhau thì sinh ra lửa, như cách lấy lửa cọ sát mạnh vào cây lấy lửa, sức nóng phát ra nấu đốt được các vật. Nên gọi là tánh biến hóa.

Thủy luân:

Châu báu sáng ngời sinh ra đượm nhuần, ngọn lửa xông lên, nên có thủy luân khắp cả các thế giới ở mười phương, bên trong ưa thích sáng ngời chấp giữ tâm lấy lừng mạnh mẽ, bên ngoài thì châu báu đượm mát hơn lửa chảy ra thành dòng nước, như người thế gian khi nấu vật gì thì có dòng nước bắn. Cho nên tất cả nghiệp chủng chẳng có ái thì không sinh, tất cả cỏ cây chẳng có nước thì không lớn, do đó bốn tánh nương nhau nhưng thể không lìa nhau. Vì cùng một vọng tâm biến khởi, như hoa đốm trong hư không, chẳng lìa nhậm mắt. Người ngu không rõ, chấp cảnh ngoài tâm vì cái thấy điên đảo, nhưng tông Tiểu thừa cho rằng thủy luân ở trước, kim luân ở sau không giống như ở đây, mà không biết phong luân giữ gìn nước tức là giữ chặt sự chướng ngại. Y theo tướng thì ở sau, y theo tánh thì ở trước, cho nên sau phong luân là nói Kim luân. Lại họ chỉ biết tăng thêm nghiệp cảm, mà không biết do nguyên nhân nào, dùng giáo lý bất liễu nghĩa mà nói tướng thô.

a.2) Nói về các tướng sinh ra.

Lửa bốc lên, nước chảy xuống, giao xen phát ra mà lập nên sự vững chắc, ẩm ướt gọi là biển lớn, chỗ khô khan là cồn đảo, do nghĩa này nên trong biển lớn kia ánh lửa thường phun lên, trong cồn đảo kia sông ngòi thường chảy, lửa bốc lên thì thành khô khan, nước chảy xuống thì thành dòng ẩm ướt, giao xen lẫn nhau lập thành chướng ngại vững chắc.

Do lửa đốt cháy liền xảy ra sự kích động nhau, cuối cùng thì nước hơn. Cho nên có biển cả rộng lớn thì cồn đảo hẹp, đều do tánh vọng không thường, trước sau đổi khác, vì tâm tham ái nặng cho nên thành biển lớn, vì tâm chấp mạnh mẽ nên thành cồn đảo, bản tánh tức giận sinh ra ngã mạn, tánh cố chấp sinh ra tức giận, đối với sắc khởi lên dòng nước trong đảo tham ái, trái với ái sinh ra ngọn lửa trong biển sân, ở giữa nước ở được gọi là cồn đảo, trong nước cát nhóm lại gọi là Đảo.

Thế nước yếu hơn lửa, thì kết thành núi cao, nên khi đập đá núi thì có tia lửa xẹt ra, hòa vào thì thành nước, bên ngoài thì thế nước yếu hơn thế lửa, bên trong thì giận nhiều hơn thương. Tức giận lại tăng thêm ngã mạn, nên kết thành núi cao.

Thế đất yếu hơn thế nước, thì bị rút lại thành cỏ cây, cho nên khi đốt cây cối thì thành đất, do vất chặt mà thành nước, bên ngoài thì thế đất yếu hơn thế nước, bên trong thì tham ái tăng thêm, ngã mạn nhẹ dần, ái sinh ra nước, nước có công năng nuôi dưỡng cỏ cây. Ba thứ tức giận, tham ái, ngã mạn cùng tưới tâm nên chúng sinh thành hình, cỏ, cây, núi, sông ngàn muôn sai khác.

b) Kết thúc nối nhau:

Vọng tưởng xen nhau mà phát sinh làm hạt giống cho nhau.

Do nhân duyên này mà thế giới nối nhau. Trước kia là từ sáng tối lay động nên có phong luân, gió lay động rõ ràng thành vàng bạc, vàng và gió chạm nhau thì bản tánh lửa sinh ra, nung vàng chảy ra thì sinh ra lửa, nước lửa giao nhau, thế nó có hơn có thua, nước hơn lửa thua thì thành biển cả, cồn đảo, lửa hơn nước thua thì thành núi đá, đất thua nước hơn thì thành cỏ cây v.v...

Tướng bên ngoài tuy như vậy, nhưng đều do tâm bên trong, trong tâm không thay đổi thì bên ngoài đâu có khác nhau. Kinh lại y theo bên ngoài, nên nói làm hạt giống cho nhau.

Chúng sinh nối nhau, có ba:

1) Nói về tướng kia, có hai:

a) Nói về sự trói buộc của căn trần, có hai:

a.1) Chỉ ra tướng của nhân trước.

Lại nữa, nầy Phú-Lâu-Na! cái minh luống dối này không có gì khác, do giác minh mà thành lỗi, sở vọng đã lập, minh lý không vượt hơn. Minh là hiển phát, phát ra vọng tưởng phân biệt chẳng phải duyên khác, chỉ do mình một niệm không hiểu rõ thì vọng chia ra năng sở, cho là lỗi lầm, giác minh tức năng sở, sở minh đã thành lập, sinh ra tâm năng giác, niệm niệm nối nhau, không thể lìa niệm. Cho nên chân minh diệu lý bị niệm làm ngại, bị ẩn che thì sớm phứt bỏ, không thể vượt qua mà hiển hiện.

a.2) Kết thành căn trần:

Do nhân duyên nầy mà nghe không ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, sáu thứ sắc, hương, vị, xúc, thành tựu luống dối, do đó chia ra thấy nghe hay biết, vô minh là nhân, sở minh là duyên, xoay vần hình thành nhau cho đến không có đồng khác, ở đây một tướng chia ra căn trần, căn trần đã gặp nhau thì thức sinh trong đó. Ba pháp căn, cảnh và thức là tánh của nghiệp, đều tự hấp thụ chẳng thực hành duyên khác, nên nói không vượt khỏi v.v... tức sở minh ở trước chia ra sáu trần, đối với vọng giác ở trước chia ra thành thấy nghe v.v... Do đó ở trước nói giác minh là lỗi.

b) Nói về nhân ban đầu của sinh loại, có hai:

Đưa ra loại để nêu chung.

Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp ly thành hóa, loài sinh từ thai, trứng phải nhờ cha mẹ đồng nghiệp cảm ứng nhau, nên nói đồng nghiệp ràng buộc nhau. Loài hữu tình thấp sinh và hóa sinh chỉ do tình tưởng ly, hợp của chính mình. Chỗ hợp là thấp sinh, chỗ ly là hóa sinh, chẳng do cha mẹ đồng nghiệp cảm ứng nhau, cho nên nói hợp, ly thành hóa. Hóa là gọi chung các loài đều gọi là biến hóa.

2. *Y theo nhân để nói riêng, có hai:*

a) Chấp lấy trần cảnh biến thành hạt giống, có hai:

a.1) Nhân của tình tưởng:

Do kiến chấp của sở minh nên sinh khởi sắc tướng, do năng minh của kiến chấp nên thành tư tưởng, ý kiến khác với mình thành ghét, tư tưởng đồng với mình thì thành thương. Kiến là vọng kiến, minh thành sở minh, do kiến mà có minh, minh có công năng phát ra sắc, nhờ minh mà khởi kiến, kiến chấp có công năng sinh ra tướng, cảnh khác với tưởng. Khác là trái nghịch mà thành ghét, sắc đồng với tâm, đồng thì thuận theo, liền sinh ra thương yêu, khác thì chỉ tưởng mà không thương, đồng thì tư tưởng thương yêu cùng hiện hành. Do đó khi thọ thai phải nhờ tưởng ái.

Kết thành chủng loại.

Ái thành hạt giống, thu nạp tư tưởng thành thai, giao cấu phát sinh, lôi kéo đồng nghiệp, nên có nhân duyên sinh ra yết-la-lam, Át-bồ-đàm, v.v...

Chủng là đã thấm nhuần ái thủ, khác với hạt giống cũ, nên nói ái làm hạt giống.

Thai là y theo một niệm hiện hành khi tâm thức khởi lên, nhưng hạt giống tức tưởng ái đều là hạt giống.

Thai: Là tưởng ái đều thành thai.

Văn Kinh có lược bỏ, nên mỗi thứ nêu ra một, tình tưởng ba chỗ cha, mẹ và con giao xen gặp lẫn nhau, dẫn phát hấp thụ vào con đường cộng nghiệp, làm cho quy về một chỗ, kết thành bào thai. Cho nên nói giao cấu phát sinh, lôi kéo cộng nghiệp. Tự nghiệp là nhân ba chỗ tình tưởng làm duyên.

Yết-la-lam dịch là đặc lại.

Át-Bồ-Đàm dịch là bào. Ở trong bào thai mười bốn ngày đầu cho đến hai mươi mốt ngày liền chia ra thai sinh, noãn sinh, nên nói theo hai vị chưa phân ở trước.

Chia thành bốn loài sinh.

Các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh tùy theo sự cảm ứng mà thành. Noãn do tưởng niệm mà sinh, thai do ái tình mà có, thấp sinh do hợp mà cảm ứng, hóa sinh do tách ly mà hiện, nói lược bốn loài sinh, nói rộng có mười hai. Như dưới đây là nói rộng, khi bốn loài sinh khởi lên, nghiệp đã tạo tương ứng với tình tưởng, thì liền thọ sinh. Cho nên nói tùy theo sự cảm ứng mà thành, tình tưởng hợp ly bốn loài đều đủ. Nay đều nêu ra một thứ, phần nhiều y theo lời nói.

Dưới đây chính là tình tưởng nhiều ít, v.v... Lại loài sinh bằng trứng phần nhiều là tưởng, như chim bay, cá, rồng liệng đều nhanh chóng, nên gọi là tưởng sinh.

Loài sinh trong thai thì tình nhiều tưởng ít, vì tình thường kéo nặng xuống không nhắc nhẹ lên được, nên gọi là tình hữu.

Trong loài thấp sinh, không do cha mẹ, chỉ từ tình tưởng hợp với khí ẩm, lập tức thọ sinh, nên nói là hợp cảm.

Hóa sinh cũng tự tưởng, vì tưởng mạnh nên yêu thích cảnh ấy, tức liền hóa sinh, nên gọi là mà ứng hiện.

a.2) Kết luận nối nhau:

Tình tưởng hợp ly, biến đổi lẫn nhau, các loài thọ nghiệp theo đó có sự thăng trầm của chúng, do nhân duyên này nên chúng sinh nối

nhau, tình tướng không thường sát-na thay đổi, hoặc thai trước, noãn sau, hoặc thấp trước hóa sau, các loài chịu quả báo tùy theo nghiệp thiện hay ác, nên nói tùy theo sự nổi chìm của chúng. Do nhân duyên ấy nên chúng sinh bỏ thân này chịu thân khác, nối nhau không dứt, cho nên nói chúng sinh nối nhau.

Nghiệp quả nối nhau, có hai:

Nói về tướng, có hai:

Chính là giải thích, có ba.

Gốc dục:

Nầy Phú-lâu-na! Tướng và ái đồng kết, ái không thể lia, cha mẹ, con cháu ở thế gian sinh nhau không dứt, đó là do dục tham làm gốc, ái dục tình thâm trói buộc lẫn nhau, kết chặt khó bỏ nên nói không lia. Cha mẹ sinh con, con lại sinh cháu, con con cháu cháu sinh nhau không dứt, đều là gốc của dục.

Gốc sát sinh:

Tham và ái giúp nhau lớn lên, tham không thể dừng, thì các loài noãn, hóa, thấp, thai trong thế gian, tùy theo năng lực mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, đều lấy sát tham làm gốc. Vì tham cho nên sát sinh, để nuôi mạng sống mình, ý mạnh hiếp yếu, giết hại không ngừng, cho nên nói là gốc của sát sinh.

Gốc trộm cướp:

Bởi người ăn thịt dê, dê chết rồi làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười chúng sinh, tử tử sinh sinh, ăn nuốt lẫn nhau, nghiệp ác lan tràn cùng tận đời vị lai. Ấy là do lấy trộm tham làm gốc, không cho mà lấy, nên gọi là trộm. Nay ăn thịt loài khác chẳng hợp đạo lý, là cướp đoạt mạng sống loài khác, vì nghiệp ác nên sống chung một đời, làm cho oán đối nhau, lại trả nợ nhau đến cùng tận đời vị lai, cướp đoạt nhau mãi không thôi, đều do trộm làm gốc.

Giải thích thành tựu:

Người nợ mạng ta, ta lại nợ người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sinh tử. Trên đây là giải thích về sát sinh và trộm cướp.

Người yêu tâm ta, ta ưa sắc người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sự trói buộc. Trên đây là giải thích về tham dục.

Kết luận về sự nối nhau.

Do ba nghiệp ác sát sinh, trộm cướp, dâm dục làm căn bản, do nhân duyên này mà nghiệp quả nối nhau.

Ba nghiệp ác sát, đạo, dâm chính là nghiệp đạo do tham ái làm duyên, nên ba thứ này đều gọi là tham. Nghiệp nhân khổ quả nối tiếp nhau không dứt, cho nên gọi là nối tiếp.

Kết luận trả lời:

Này Phú-lâu-na! Ba thứ điên đảo nối nhau như vậy, đều do lỗi lầm của giác minh cho là có tánh biết rõ của năng minh, rồi biến hiện sắc tướng, từ vọng tướng đó mà vọng thấy sinh ra, các tướng hữu vi như núi sông, đất đai, theo thứ lớp đời, vì sự luống dối này mà đến cuối thì trở lại đầu. Giác minh diệu thể vốn có tánh biết rõ của năng minh, tức là tánh giác diệu minh. Do vốn biết rõ, mê thành ra sở tướng, tức do minh mà lập sở, cho nên nói do biết rõ mà phát ra tướng. Sở tướng này do vọng mà phân biệt, cho nên nói từ vọng thấy mà sinh. Đây tức là tổng kết ba thứ nối nhau từ trước đến nay. Đều do mê muội chân minh sẵn có mà vọng thành sở tướng, sở sẽ sinh ra năng, xoay vần thô thiển, tham đắm liền thành nghiệp quả thứ lớp đời đời của chúng sinh trong thế gian, đều chẳng lìa một niệm vô minh vọng giác.

Đáp riêng về sự ngăn ngại, có hai ý:

Ngài Mãn Từ thưa hỏi.

Phú-lâu-na nói: Nếu Diệu giác bản Diệu giác minh này cùng tâm Như-lai chẳng thêm chẳng bớt, không có hình dáng bỗng sinh ra các tướng hữu vi như núi sông, đất đai. Nay Như-lai đã chứng diệu không minh giác, Núi sông, đất đai và các tập khí hữu lậu còn được sinh trở lại, Diệu giác minh tâm đồng thể với Phật, xưa nay không vọng, do cưỡng lại giác bỗng cho là sở tướng lại có vọng sinh. Nay Phật đã chứng được tâm Diệu không trong sáng, lúc nào thì các vọng lại khởi lên? Đây là nhắc lại theo chiều dọc, trách lỗi vô cùng, Đồng với Cương Tạng nói: Chúng sinh khắp mười phương vốn thành Phật đạo về sau khởi vô minh, vậy tất cả Như-lai lúc nào thì sinh tất cả phiền não trở lại?

Như-lai dẫn dụ giải thích có hai:

Giải thích theo môn chân Như.

Giải thích theo môn sinh diệt.

Môn Chân như dẫn tướng để hiển bày thật, nên y theo sự mê muội phương hướng, hoa đốm trong hư không, để dụ cho vô minh và núi sông, v.v... xưa nay chẳng khởi, bản thể không thật có: Tâm mê mất nhắm tuy có sinh diệt, nhưng hư không chẳng hề dời đổi, tâm vọng cảnh vọng dường như có sinh diệt, Diệu giác minh chân thật không hề thay đổi.

Môn Sinh diệt là chuyển lý thành sự, cho nên dựa vào quặng vàng, tro cây có thể luyện, có thể đốt, để dụ cho quả thành thì hoặc diệt,

hai môn bốn dụ, (tám trăm bảy mươi tám) tuy mỗi thứ khác nhau, nhưng đều nói lên sau khi ngộ không còn mê lầm nữa.

Vấn trước có hai:

Dứt sự mê lầm, phương hướng mới đúng, dụ cho vô minh vốn không, có hai:

Chánh dụ, có hai:

Hỏi đáp mê vốn vô nhân.

Phật bảo Phú-lâu-na, thí như người mê ở trong một ngôi làng nhận lầm phương Nam là phương Bắc, vậy sự mê lầm này từ mê ra hay do nơi ngộ mà ra?

Phú-lâu-na đáp: Người mê như vậy không từ mê ra, cũng không từ ngộ ra, vì sao? Vì mê vốn không có gốc, làm sao từ mê ra? Ngộ chẳng sinh thì mê làm sao từ ngộ ra? Chỗ đông người có thể ở, nên gọi là xóm làng, người mê là chúng sinh, xóm làng là Như-lai tạng.

Nam là tánh minh, Bắc là sở minh, hoặc là vô minh, tướng Nam bất động, thì mê hoặc nên thấy Bắc, tánh minh không thay đổi, vì mê mà lập sở, do mê này mà vọng sinh ra, cho nên nay nêu điều đó, giúp cho biết vô sinh, tức thấy vô minh vốn không.

Hỏi đáp sau khi giác ngộ là không có vọng.

Phật hỏi: Người mê kia đang trong lúc mê, bỗng có người giác ngộ chỉ bày cho ngộ. Phú-lâu-na, ý thầy thế nào?

Người này dấu mê nhưng đối với xóm làng này còn sinh ra mê không?

Phú-lâu-na đáp: Bạch Đức Thế tôn! không.

Người ngộ là bạn lành, chỉ bày là giáo hành, giúp cho các Đức Như-lai trong mười phương giác ngộ. Ngài Mãn Từ Tử có sự nghi ngờ đối với Phật pháp, đối với dụ hiểu rõ, cho nên Đức Phật nêu thí dụ để hỏi, giúp cho hiểu pháp như thí dụ.

b) Hợp hiển:

Này Phú-lâu-na! các Đức Như-lai ở mười phương cũng như vậy, sự mê này vốn không có gốc, tánh nó rất ráo không. Xưa vốn không mê, dường như có mê giác, biết mê thì mê kia liền diệt, giác không sinh ra mê. Mê là vô minh, cũng gọi là si, cũng gọi là Bất giác. Bất giác tức giác, nên nói tánh rất ráo không. Môn chân Như thì xưa vốn không mê, theo môn Sinh diệt thì dường như có mê giác. Giác là bản giác bị mê, cũng là thị giác, biết mê thì mê diệt, trí thị giác khởi, giác hết thì vọng niệm từ vô thị, khi hợp, với bản giác không còn có sự khác nhau về thị giác và bản giác, chỉ có một diệu giác, đâu còn sinh vọng? Cho nên nói

giác không sinh mê.

Hết nhậm mắt hoa đốm mắt, dụ cho núi, sông không thật, có hai:
Y theo dụ hỏi đáp, có hai.

Nương vào hoa đốm để hỏi người ngu hay trí.

Cũng như người dụ mắt, thấy hoa đốm trong hư không, nếu không dụ mắt nữa thì hoa đốm trong hư không liền mất. Chợt có người ngu ở chỗ hoa đốm trong hư không đã diệt kia đợi hoa đốm sinh lại, ông xem người này là ngu hay trí?

Dụ mắt dụ cho vọng thấy, hoa dụ cho núi sông, nếu cái thấy vọng mất đi thì núi, sông tự tan biến. Cho nên văn dưới nói: Thấy nghe như dụ mắt, ba cõi như hoa đốm trong hư không. Nghe lại thì mắt hết xốn, trần tiêu thì giác viên tịnh, hư không chẳng có hoa đốm, nên nói là không địa.

Đáp điền đảo cuồng si.

Phú-lâu-na thưa: Hư không vốn chẳng có hoa đốm, mà vọng thấy sinh diệt, thấy hoa đốm tan biến thì hư không đã là điền đảo, bảo lại đưa ra thật cuồng si này, thì làm sao gọi người cuồng như thế là ngu hay trí được nữa.

Chân vốn vô tướng, vọng thấy khởi diệt, thấy núi sông tan biến đã là cái thấy điền đảo rồi, lại còn mong hoa đốm lăng xăng trở lại, đây đồng với người cuồng.

2. Trở lại bản chất, kết đáp:

Phật bảo: Như sự hiểu biết của ông, vì sao hỏi rằng Diệu Giác Minh không của Chư Phật Như-lai, sao lại sinh ra núi, sông, đất địa. Y theo ví dụ ông đã hiểu, không hòa hợp lại nghi ngờ không giác của Như-lai sinh ra núi sông.

Kinh Duy-ma chép: Phật vì người tăng thượng mạn nói lìa bỏ dâm dục, tức giận, ngu si. Nếu không phải người tăng thượng mạn thì Phật nói tánh dâm dục, tức giận, ngu si tức là giải thoát. Nên biết như mộng thêm mộng, hư không gọi là dứt hoặc, nhân huyễn đã đủ, thì cảnh gương quả tròn, hễ là đoạn chứng thì thể hội được yếu chỉ này.

Giải thích theo môn sinh diệt để giải thích, có hai:

1. Dụ, có hai:

a) Dụ cho quả thành.

Lại như trong quặng có lẫn vàng ròng, vàng ấy thuần nhất không thành lẫn lộn. Giác của chúng sinh ẩn nấu như vàng ở trong quặng. Giác của Chư Phật hiện rõ như quặng đã luyện thành vàng, đã vào biển quả không trở thành nhân, cho nên nói không thành tạp chất nữa, nhưng

nhân quả tuy khác mà tánh giác bình đẳng.

b) Dụ cho hoặc diệt.

Như cây đốt thành tro không trở lại thành cây, giác tánh như đất, mê hoặc chướng ngại như cây, gia hạnh như bó đuốc, trí chiếu soi như lửa, Niết-bàn như tro, bó đuốc động thì lửa nổi lên, cây hết thành tro, tro trở về với đất, không trở lại thành cây. Tu hành thì trí khởi lên, mê hoặc diệt thì giác hiện, chỗ hiển hiện chỉ là chân, không còn khởi vọng nữa.

2. Hợp.

Bồ-đề Niết-bàn của Chư Phật cũng như vậy. Bồ-đề là quả trí, Niết-bàn là quả đoạn, hoà hợp cả hai dụ, nhưng bốn dụ trên, ý của bốn dụ giống nhau, ở trước y theo lý viên ngộ, chúng sinh và Phật đều là bản chân. Vì thành tựu thanh tịnh bản nhiên của văn trước, đều là Như-lai tạng và tâm Như-lai không thêm không bớt, cho nên nêu ra mê lầm phương hướng, hoa đốm trong hư không, xưa nay không khởi, nên chẳng phải sau có diệt. Cho nên hợp pháp nói: Mê này không có gốc, tánh rốt ráo không. Lại nói: Hư không vốn chẳng có hoa đốm, vọng thấy sinh diệt, thì ở đây trách Mãn Từ Tử thấy vọng có diệt còn là điên đảo, hướng chỉ là đợi tập khí hữu lậu sinh trở lại. Về sau dựa vào tướng tu chứng nhân quả bất hoại, cho nên nói quặng hết sinh ra vàng, cây cháy thành tro.

Mê mới có hoa đốm trong hư không, đầu cuối vốn không có. Vàng nhờ luyện, tro nhờ đất mới hiện ra. Ý nói lý viên đốn tuy ngang nhau, nhưng mê ngộ không ngại thành khác, đã có nhiều tập khí chướng ngại sinh ra, phải quay lưng với tập tục để hiển chân, chân hiển thì rốt ráo thanh tịnh, không mê lại nữa. Nếu chỉ bày hai dụ trước, thì phá bỏ tướng nhân quả mê ngộ, trở thành tà kiến. Nếu chỉ dùng hai dụ sau, thì thành giác tánh xưa nay bất tịnh của chúng sinh, mất lý chân thường, cũng thành tà kiến, đạo lý nhiệm mầu, dụ cho khó phân, cho nên nói bốn việc đều dụ cho một pháp, dùng hết lý kia.

Đáp nghi đại tánh đều cùng khắp, có hai:

1. Giải thích hai gốc nghi, có hai:

a) Nhắc lại sự nghi ngờ.

Này Phú-lâu-na, lời thầy hỏi về bản tánh viên dung cùng khắp pháp giới của đất, nước, lửa, gió. Nghi rằng tánh nước và lửa không đoạt mất nhau, lại gạn hỏi hư không và các đại địa đều trùm khắp pháp giới, không dung nạp nhau.

Trước đã nói về nghi, bây giờ sẽ đáp giải thích, cho nên ở đây nhắc lại nêu ra.

b) Chánh giải thích, có hai.

b.1) Dựa vào thí dụ để lược giải thích, có ba:

b.1.1) Nêu ví dụ, có hai:

* Nêu chung nguồn gốc của dụ, có hai:

- Nêu:

Nầy Phú-lâu-na! thí như thể hư không chẳng phải các tướng mà không chống cự các tướng phát huy trong nó. Hư không là tánh tạng, các tướng là bầy đại, chân vốn không có tướng, không giữ tự tướng, tùy theo duyên mà hiện tướng, cho nên nói không chống cự, phát là hiển, huy là dương (phát huy tức là hiển bày).

Giải thích: Vì sao? Nầy Phú-lâu-na! vì hư không kia, mặt trời soi chiếu thì sáng, mây che thì tối, gió thổi thì động, trời tạnh thì trong, khí ngưng thì đục, bụi thổi thành mù, nước lặng thành trong. Ở đây nếu ra bầy việc, dụ cho bầy đại, tùy theo nghĩa đối pháp rất dễ hiểu sương gió thì mưa bụi, trời tạnh thì mưa dứt, thuần là nhóm hợp.

- Hỏi lược về tướng dụ, như sau:

+ Ý thầy nghĩ sao?

Các tướng hữu vi khác nhau như vậy là từ kia sinh, hay từ hư không mà có?

Phương là pháp, tức các pháp như Minh v.v... kia tức mặt trời, v.v... Nêu các tướng này để nói về bầy đại tướng không đều là pháp chẳng thật, hư không vô tướng, không ngăn ngại các tướng hiển phát.

+ Thưa hỏi:

Nầy (tám trăm bảy mươi chín) Phú-lâu-na, nếu từ mặt trời sinh ra thì lúc mặt trời chiếu, đã là mặt trời chiếu sáng thì các thể giới mười phương đồng với mẫu của mặt trời, vì sao còn thấy mặt trời tròn trên hư không?

Nếu hư không tự sáng thì hư không phải tự chiếu sáng. Tại sao lúc giữa đêm mây mù lại không sinh ánh sáng? như văn kinh chép.

Kết luận: Nên biết cái sáng nầy chẳng phải mặt trời, chẳng phải hư không, cũng không ngoài mặt trời và hư không. Lời kết luận.

Nầy tức là lìa đều không sinh từ cả hai. Lại chẳng phải mặt trời, chẳng phải hư không, hiển bày chỗ vô sinh, chẳng khác hư không và mặt trời, tùy duyên dường như có.

* Chỉ ra pháp, có ba:

- Tướng không thể chỉ bày:

Xét các tướng ấy vốn luống dối không thể chỉ bày, cũng như hoa đốm trong hư không kết thành quả hư không. Thì sao còn hỏi về nghĩa

xâm đoạt nhau? Bấy tướng vô sinh vốn tự vắng lặng, đã gọi là luống dối, thì đâu thể chỉ được? Chỉ bày còn không được thì đâu thể làm cho xâm đoạt nhau, đâu khác gì mong hoa đốm trong hư không kết trái.

- Bản tánh vốn không dung chứa.

Xét bản tánh vốn chân, chỉ có diệu giác minh, tâm diệu giác sáng trước không phải từ nước lửa, vì sao về nghĩa lại đều không dung chứa nhau?

Tánh chân của bầy đại vốn là Như-lai tạng, ở trong Như-lai tạng không có nước, lửa khác. Đối với Nhất diệu giác, y theo các nghĩa nào nói không dung chứa nhau? Giống như thể của hư không chẳng phải các tướng thì nói xâm đoạt nhau?

* Hợp hiển, có hai:

- Hợp đúng với văn trước:

Chân Diệu Giác Minh cũng như vậy, ông cho là hư không sáng tỏ thì có hư không hiện ra, đất, nước, lửa, gió, mỗi thứ đều phát minh thì mỗi thứ đều hiện ra, nếu cùng phát minh thì đều hiện ra. Chân Diệu Giác Minh hợp với hư không vô tướng. Câu ông cho hư không sáng là hợp tướng sự phát huy của các tướng, tâm ông phân biệt có hư không phát minh, diệu giác minh tâm, tùy tướng không hiện, đất, nước, lửa, gió trong tâm ông, đều phát hiện lẫn nhau, tùy tâm đều hiện, trong tâm đều ohat1, bầy đại đều hiện. Lại tùy theo mỗi người đều phát ra, mỗi người thấy khác, nhiều người cùng phát ra đều hiện một tướng, đây là chân như chẳng giữ tự tánh, tùy theo duyên mà hiện các tướng.

Văn trên nói: Tùy tâm chúng sinh, ứng với lượng sở tri, theo nghiệp phát hiện.

Luận Khởi Tín nói: Nhờ huân tập các cảnh giới hiện ở trong gương, cũng là ý này.

* Lại dụ đều hiện, có hai:

1. *Chánh dụ:* Thế nào là đều hiện? Này Phú-lâu-na! như trong một dòng sông hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng nhìn bóng mặt trời dưới nước, rồi một người đi về hướng Đông, một người đi về hướng Tây, thì mỗi người đều thấy mặt trời đi theo mình, một người đi về hướng Đông, một cái đi về hướng Tây, không có tiêu chuẩn nhất định. Thể của bầy đại như bóng mặt trời, tùy theo phương Đông, phương Tây mà đi, như chia làm bầy phần riêng, tùy chỗ tuy khác nhưng không lìa một bóng. Bầy đại tuy phân ra nhưng không lìa một luống dối, hướng Đông có thể làm tiêu chuẩn, hướng Tây thì thế nào? Vì như là một, không hòa mỗi bóng đi một phương, nếu đó là bóng, thì một nhiều tự mất.

- Chính là thưa hỏi:

Không nên hỏi rằng: mặt trời là một, sao lại có mỗi mặt trời đi theo một người? Bóng mặt trời trên sông có hai, sao trên trời chỉ có một? Rõ ràng là luống dối, không thể y theo. Một đã là bóng thì lại hiện tùy theo nó đi, bóng lại hiện bóng, sao thật có thể y cứ mà muốn gạn hỏi? Chỉ có một sở minh lại hiện ra bảy đại, đại và sở vọng chỉ có một hình bóng, không thật có, cho nên nói rõ ràng là luống dối.

2. *Y theo nghĩa giải thích rộng, có hai:*

a) *Y theo thể dụng để giải thích, có hai.*

a.1) Y theo mê ngộ để bày dụng, có hai:

a.1.1) Mê thành tướng thế gian:

Này Phú-lâu-na! ông cho là tướng sắc, không khuynh đoạt lẫn nhau, đối với Như-lai tạng mà Như-lai tạng tùy theo sắc không trùm khắp pháp giới, nên ở trong đó gió động, hư không thì trong lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sinh mê muội, trái giác tánh hợp cảnh trần, nên phát ra tướng trần lao thế gian. Ông dùng tâm phân biệt sắc không, đối với chân giác mà có sự khuynh đoạt. Tánh chân giác kia, theo đó mà thành sắc, không lẫn diệt lẫn nhau, sắc không tức là địa đại và không đại, hai đại đã như vậy, ngoài ra đều dụ như vậy. Nên nói bởi thế trong đó v.v...

Văn ở trên nói: Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay quên mình làm vật. Cho nên ở trong đó thấy các vật có lớn, có nhỏ.

Kinh Viên Giác nói: Tự tánh viên giác chẳng phải tánh, tánh có là theo các tánh mà khởi. Đây là chúng sinh khởi lên ngọn gió vô minh, đánh động biển lớn thành sóng tám thức, biển khởi các tướng thế gian, bị tướng làm chướng ngại mất đi bản tâm. Cho nên nói trái với tánh giác, hợp với cảnh trần, có tướng thế gian.

Giác ngộ thành dụng xuất thế.

Ta dùng diệu minh bất sinh bất diệt hợp với Như-lai tạng, thì Như-lai tạng chỉ có diệu giác viên minh chiếu khắp pháp giới. Ngộ thể của tạng, bất sinh bất diệt là trí vô sinh, Như-lai tạng là lý vô tướng, lý trí thâm khế hợp, nên nói là hợp. Lúc bấy giờ, chỉ có một diệu tâm, không có lý trí khác, tức trí giác hợp với bản giác, không có Bản giác và Trí giác khác, vì chỉ có một giác, cho nên nói chỉ có diệu giác tròn sáng chiếu khắp pháp giới.

Cho nên trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, đạo tràng Bất động, trùm khắp các thế giới mười phương, thân bao trùm vô tận hư không mười phương, trên đầu

một sợi lông hiện ra cõi Phật, ngồi trong hạt bụi xoay bánh xe pháp Đại thừa, khởi lên diệu dụng. Năm câu trước nêu ra hai thứ tự tại, hai câu đạo tràng Bất động v.v... trở xuống là giải thích một và nhiều tự tại.

Câu thân bao trùm khắp mười phương v.v... trở xuống là giải thích lớn nhỏ tự tại. Hai câu trước ở trong chánh báo hiện ra y báo, đối với câu một và câu hai ở đầu sợi lông là ở trong chánh báo hiện ra y báo và chánh báo, cũng là ở trong y báo hiện ra y báo, chánh báo.

Hai câu dưới ngồi trong hạt bụi là ở trong y báo hiện ra chánh báo, câu khác bao gồm ở trong đó, có thể đặc ý, Kinh Hoa Nghiêm nói mười thứ tự tại không ngoài đây. Bỏ trần về giác, nên hiện ra tánh chân như diệu giác sáng tỏ, đây là kết luận nguyên nhân.

Văn dưới nói: Nghe lại thì hết nhắm mắt, trần tiêu thì giác tròn đầy, thanh tịnh cùng cực ánh sáng thông đạt, vắng lặng bao trùm hư không, không thể câu nệ vào lớn hay nhỏ, chẳng có giới hạn một hay nhiều, hạt bụi, đầu sợi lông, cõi nước nhiều như số giọt nước biển đều trùm khắp, vì bản tánh bốn nhiên, dẫn đến quả rõ ràng như vậy.

a.1.2) Y theo ba đế chỉ bày thể, có ba:

- Dựa vào phi tướng để nói về Chân-đế.

Như-lai tạng vốn là tâm tròn mầu, chẳng phải tâm, chẳng phải không, chẳng phải đất, chẳng phải nước, chẳng phải gió, chẳng phải lửa là chẳng phải bầy đại. Tâm là thức đại cũng tức là năm ấm, chẳng phải mắt, chẳng phải tai, chẳng phải mũi, lưỡi, thân, ý. Phi sắc, phi thanh, hương vị xúc pháp. Phi nhãn thức giới, như thế cho đến phi ý thức giới. Đây là chẳng phải mười tám giới, thâm nhiếp mười hai xứ.

Phi minh, vô minh, phi minh, vô minh tận, như thế cho đến chẳng già chẳng chết, chẳng phải hết già chết. Đây là phi mười hai nhân duyên trôi lăn, hoàn diệt.

Phi khổ, phi tập, phi diệt, phi đạo, phi trí, phi đắc. Đây là chẳng phải bốn đế và năng chứng, sở chứng.

Phi đàn-na, phi Thi-la, phi Tỳ-lại-da, phi Tỷ-đề, phi Thiên-na, phi Bát-thích-nhã, phi Ba-la-mật-đa. Đây là phi sáu Ba-la-mật. Như thế cho đến tức vượt qua ba mươi bảy phẩm và tất cả nhân, hạnh, quả đối với nhân và mười lực, bốn vô úy và mười tám pháp bất cộng v.v... và ba hiệu: phi Đát-thát-a-kiệt, phi A-la-ha Tam-da-Tam-Bồ, và phi Như-lai.

(Tám trăm tám mươi) Phi Đại Niết-bàn, phi thường, phi lạc, phi ngã, phi tịnh. Đây là bốn đức Niết-bàn. Vì nó đầy đủ phi thế gian và xuất thế gian, từ đế duyên quán trí và đạo diệt sáu độ trở xuống, đều là pháp xuất thế gian. Khổ tập, mười hai nhân duyên, ba khoa, bảy đại đều

là pháp thế gian. Trên đây là nói chung về phi tướng, y theo môn Chân như, hiển bày nghĩa Chân-đế, tất cả đều không, tất cả tướng đều luống dối, vì tướng đối đãi, chỉ có tên gọi, Danh tự là không. Nay thứ lớp phi là ban đầu do vô minh nên có vọng thức, vọng thức đã biến đổi thì có không giới, vì không giới hiện ra nên kết thành bốn đại. Vì bốn đại khởi lên thì có căn trần, vì căn trần hòa hợp thì có các thức. Vì ba pháp căn, cảnh, thức làm tánh nghiệp, mới tạo thành mười hai nhân duyên trôi lăn trong sinh tử, vì có đối trị thì có các pháp quán trí xuất thế gian. Lợi căn, độn trí đối với pháp xuất thế gian là khác nhau, được chia ra thứ lớp ba thừa, hội đủ ba thừa về Nhất thừa, tức là quả Phật. Quả có năng chứng và sở chứng, liền chia ra Bồ-tát, Niết-bàn. Bốn đức Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên chuyển dần mà đặt tên gọi, nó đều không có tự tánh, tất cả đều không.

- *Y theo tướng nói về tục đế:*

Như-lai tạng vốn là tâm mâu nhiệm sáng tỏ; tức tâm, tức không, tức đất, tức nước, tức gió, tức lửa, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức sắc, tinh, hương vị, xúc, pháp, tức nhãn thức giới, như vậy cho đến ý thức giới, ngay nơi minh tức là vô minh, minh là vô minh hết, như thế cho đến tức già tức chết, tức hết già chết. Tức khổ, tập, diệt, đạo, tức trí, tức đắc, tức Đàn-na, tức Thi-la, tức Tỳ-nại-da, tức Tỷ-đề, tức Thiên-na, tức Bát-Thích-Nhã, tức Ba-la-mật-đa. Như thế cho đến tức Đát-thát-a-kiệt, tức A-la-hán Tam-da-tam-bồ, tức Đại Niết-bàn. Tức là tức thường, tức lạc, tức ngã, tức tịnh, vì nó đầy đủ các pháp thế gian và xuất thế gian. Trước y theo chân như bất biến bất tướng. Đây là y theo tùy duyên mà thành môn Sinh diệt, là hiển bày tục đế. Đây là không lìa nhất chân, theo nhiệm huyễn khác nhau mà thành các thứ tướng, phi tướng mà hiện tướng, chẳng phải danh mà hiện danh, tùy theo thế gian mà kiến lập, không phá hoại giả danh, nên gọi là Tục.

- *Y theo sự che lấp và chiếu soi để nói về Trung Đạo:*

Tức là Như-lai tạng diệu minh tâm nguyên, lìa tức lìa phi, thị tức phi tức. Đây là y cứ hai môn chỉ là một tâm, cả hai che lấp Chân-đế và tục đế, cho nên nói lìa tức lìa phi, cả hai chiếu sáng Chân-đế và Tục đế, nên nói là thị tức phi tức. Một thể ba đế, nên đều gọi là Tục Như-lai tạng. Pháp giới như một, vốn không có danh tướng, do mê có vọng, đối với vọng mà nói chân, hình tướng danh ngôn chân vọng không dứt, theo danh chấp tướng điên đảo đâu cùng? Cho nên do nhận lời bỏ lời, cho đến không bỏ. Ban đầu dùng phi bỏ tướng, kế là dùng tức bỏ phi. Cuối cùng dính mắc danh ngôn, yếu chỉ chưa cùng tột nhất chân. Là

tức phi tức, đường nói năng dứt, tâm hành bật, mới hiển bày tâm nhất chân pháp giới Như-lai tạng. Cho nên Kinh Duy-ma nói: Ba mươi hai vị Bồ-tát nói pháp môn không hai, đều dùng lời nói xả tướng, ngài Văn-thù-sư-lợi dùng lời nói xả lời nói.

Đại Sĩ Duy-ma không lời xả bỏ lời, mới gọi là rốt ráo, ba nghĩa này cũng giống như vậy. lại như Thiên Thai giải thích kinh Pháp Hoa có mười nghĩa như thị: Dùng một tâm ba quán giải thích nó, trước nói tướng như này cho đến gốc ngọn như, tên gọi của như không khác, tức là nghĩa không. Kế nói như thị, xét tánh tướng không của các tướng nghĩa là giả. Nếu nói các tướng như vậy, tức là tướng như thật Trung đạo, là nghĩa trung. Nêu một tức ba, nói ba tức một, tánh tướng các pháp mẫu nhiệm như thế, chỉ có Phật và Phật mới biết cùng tận rốt ráo.

Nêu pháp dụ để kết trách, có bốn ý: a.2.1)

Trách chung:

Tại sao chúng sinh ba cõi thế gian và các vị Thanh Văn Duyên Giác xuất thế gian, dùng tâm sở tri để so lường Bồ-đề Vô thượng của Như-lai, dùng lời nói thế gian để nhập tri kiến Phật, cảnh giới mẫu nhiệm, tâm nghĩ và lời nói không so lường được. Kẻ phạm phu chấp đắm sự việc thì nghiêng về Tiểu, dính mắc không, đều là tâm sở tri, chẳng phải cảnh này. Cho nên kinh Viên Giác nói: Chỉ cảnh giới tròn đầy của các vị Thanh Văn, thân tâm lời nói đều dứt bật, rút không bao giờ đến chỗ đích thân chứng đắc Niết-bàn sở hiện kia, hướng chi có thể dùng tâm suy nghĩ, so lường cảnh giới Viên giác của Như-lai, như dùng lửa đom đóm đốt cháy núi Tu-di, không bao giờ được. Vì tâm luân hồi nên sinh ra cái thấy luân hồi, nhập vào biển vắng lặng hoàn toàn của Như-lai, không thể nào đến được.

Nêu ví dụ:

Thí như các đàn cầm, sắt, không hầu, Tỳ-bà, dù có âm thanh hay mà không có sự khéo léo của ngón tay thì cũng không bao giờ phát ra được. Các thứ đàn như :Tỳ-bà v.v... chỉ cho chúng sinh, âm thanh hay là tạng tánh, sự khéo léo của ngón tay là thật trí, phát khởi ra dụng.

Hợp hiển:

Ông và chúng sinh cũng như thế, bảo giác chân tâm đều tròn đầy. Ông và chúng sinh cũng như thế, thật biết chân tâm đều tròn đầy. Như khi ta ấn ngón tay thì biển ấn phát ra ánh sáng, còn ông vừa móng tâm thì trần lao đã khởi. Ông và chúng sinh hợp với các thứ đàn cầm v.v... bảo giác chân tâm hợp với âm thanh hay ở trước, búng ngón tay là y theo dụ để chỉ cho pháp, tức là trí vô sinh. Hợp với lý vô tướng, đại dụng

hiện tiền.

Tức ở trước nói: Ta vì bất diệt bất sinh nên hợp với Như-lai tạng, mà Như-lai tạng chỉ cho Diệu giác tròn sáng, chiếu khắp pháp giới, cho đến trong đó lấy một làm vô lượng v.v... Ông vừa móng tâm hợp với trước, không có ngón tay khéo léo.

Tức ở trước nói: Ông dùng tướng sắc không khuynh đoạt lẫn nhau đối với Như-lai tạng mà Như-lai tạng tuy thành sắc không v.v...

Nói về Hải ấn: Kinh Đại Tập nói: Tất cả sắc tượng của cõi Diêm phù, ở trong biển lớn đều có ấn văn. Dụ cho biển tánh pháp thân của Như-lai ánh sáng diệu dụng hiện khắp tất cả.

Kết thúc bác bỏ:

Do bất động câu đạo giác Vô Thượng, ưa thích Tiểu thừa, được ít cho là đủ, Vô thượng Bồ-đề như đảo châu báu, Niết-bàn của Tiểu thừa như hóa thành. Chỉ là biến quyền thừa, không cầu rốt ráo, được ít cho là đủ, cho nên phát ra trần lao.

* *Giải thích riêng về nghi, có hai:*

- Giải thích Mãn Từ tử nghi ngờ nhân của vọng, có hai:

+ Trình bày nghi:

Phú-lâu-na nói: Giác báu tròn sáng, chân tâm diệu tịnh của con và Như-lai tròn đầy không hai. Đây là nói thể không hai.

Mà con xưa kia chạy theo vọng tưởng từ vô thủy, chịu luân hồi đã lâu, nay dù chứng được nhưng chưa rốt ráo. Đây là chỉ cho mình còn mê. Thế tôn thì tất cả vọng tưởng đều dứt, chân thường độc diệu: là nói Phật đã hết chướng ngại, xin hỏi Như-lai tất cả chúng sinh vì sao có vọng tự che khuất diệu minh, cam chịu sự chìm đắm này.

Chương hết: Nghĩa là chắc chắn biết vọng ở trước, nên hỏi điều này. Do Mãn Từ trước hết dẫn đến nghi ngờ rằng đã là thanh tịnh bản nhiên, vì sao bỗng sinh ra núi sông, đất đai? Như-lai liền nêu ra tánh giác mầu nhiệm để xem xét mê, ngộ kia, Mãn từ tử đã mê tánh minh cho là sở minh. Phật liền bác bỏ rằng. Tánh giác chắc chắn là minh, vọng cho là minh giác, sở đã vọng lập nên sinh ra các vọng năng của ông, do đó xoay vần nối nhau trôi dạt đều do luống dối sinh khởi, dấu biết năng sở vọng lập, lại nghĩ vọng từ đâu sinh ra? Cho nên ở đây thưa hỏi về sở nhân của vọng.

+ Giải thích có hai:

- Bảo chung:

(Tám trăm tám mươi mốt) Phật bảo Phú-lâu-na: Dù cho thầy dứt được tâm nghi nhưng còn mê hoặc chưa dứt sạch. Nay ta hỏi ông những

việc hiện tiền của thế gian. Dầu biết các pháp đều vọng, do vọng mê hoặc mà có sở nhân, cho nên nói còn mê hoặc chưa dứt, các việc hiện tiền là việc thấy trước mắt.

b) Giải thích riêng, có hai:

b.1) Nói vọng vốn vô nhân, có ba:

b.1.1) Nêu việc hỏi đáp, có hai:

- *Nêu việc:*

Chẳng lẽ thầy không nghe trong thành Thất-la có chàng Diễn-Nhã-Đạt-đa, mỗi buổi sáng bỗng lấy gương soi mặt, thích nhìn mặt mà y đáng yêu trong gương, rồi tự trách đầu mình không thấy được mặt mũi, cho là ly mị, không có hình trạng, bèn điên cuồng bỏ chạy.

Diễn-Nhã-Đạt-đa, Hán dịch là Từ Thọ, vốn đầu và gương đều dụ cho tánh giác, soi mặt dụ cho gương giác, chợt sinh vọng lập sở tướng. Ưu thích dụ cho chấp chặt không bỏ, cho tướng là chân, đã thích hữu tướng, lại ghét vô tướng, cho nên ghét đầu mình không thấy mặt mày. Chân là vô hình tướng, không thuận theo vọng tình, liền sinh sợ hãi, chấp tướng mê tánh luân hồi không dứt. Cho nên nói điên cuồng bỏ chạy. Ly mị là loài yêu quái ở núi đầm.

- *Hỏi đáp:*

Ý thầy thế nào? Người ấy vì sao vô cớ bỏ chạy? Phú-lâu-na đáp: Người ấy tâm điên cuồng đâu có duyên cớ gì, tâm điên cuồng bỏ chạy, không có lý do khác, cho nên không có duyên cớ gì. Do sức mạnh sinh ra sự phân biệt, nên gọi là Vọng, đâu có nhân khác.

b.1.2. Y theo pháp nói thẳng, có ba:

- *Y theo danh để trách nhân.*

Phật nói: Diệu giác tròn sáng vốn tròn sáng mẫu nhiệm, chỉ một chân tâm vốn không có pháp vọng.

Đã gọi là vọng vì sao có nhân? Nếu có sở nhân làm sao gọi là vọng?

Từ các vọng tưởng xoay vần làm nhân cho nhau, mê càng thêm mê, trải qua vô lượng kiếp. Đây là nói thẳng vọng không có nhân, vọng chắc chắn không có nhân, có nhân thì chẳng phải vọng, một chữ vọng phải suy nghĩ kỹ. Nếu rõ được tên gọi này thì tự không có pháp khởi.

Lại nghi có nhân, đâu chẳng phải mê hoặc điên đảo, như người trước bỗng nhiên nói dối, lần lượt nối nhau từ dối nói dối, và suy xét nguồn gốc của nó, lần lượt đều luống dối, cho đến người đầu tiên và người cuối cùng, cả hai đều là vọng, làm sao gọi là Nhân? Cho nên trải qua nhiều kiếp nối nhau cuồng vọng, chẳng thể giác ngộ.

- *Dẫn ngộ giải thích tướng.*

Dù được Phật phát minh, còn không thể bỏ nhân mê như thế, do mê mù tự có, biết cái mê không có nhân, vọng không có chỗ nương, sinh còn chẳng có, lấy gì để diệt. Văn này giải thích có hai lớp: Trước y theo tự ngộ của Phật để giải thích.

Phát minh giống như khai ngộ, Phật tuy khai ngộ, các vọng đều diệt, còn không thể trở lại giác đến gốc của vọng, vì vọng không có nhân mà có thể giác, cho nên nói còn không thể trở lại nhân mê như thế.

Lại nối liền câu nhân mê như thế với câu dưới, nên nói như vậy: nhân mê do mê mà tự có. Ý nói: Nếu y theo pháp vọng xoay vẫn sinh khởi mà nói nhân. Ở đây ngay nơi nhân mà vọng nói nhân, chẳng phải vọng có nhân ban đầu, cho nên nói do mê tự có, đã biết mê không có nhân, thì biết vọng không có chỗ nương, nói cái gì sinh mà lại có diệt? Cách giải thích này dựa vào sự tự giác ngộ của Phật, không có nhân vọng để trở lại. Kế là y theo Phật nói pháp cho người nghe, không thể bỏ mê thành ngộ.

Phát minh giống như giảng nói, tuy Phật nói rộng cho Mãn Từ nghe vẫn không khổ tự mình có khả năng bỏ mê về ngộ. Cho nên nói vẫn không thể trở lại, như thế v.v... trở xuống là giải thích ý như trước, do lý này khó nói, người nặng về mê hoặc, như vì người dụi mắt nói không có hoa đốm trong hư không, làm sao có thể lãnh ngộ được, người bị vọng chấp nói không có các vọng thì ai chịu tin theo. Nếu liễu ngộ tự biết không có nhân thì lấy gì làm vọng mà có sinh diệt?

- *Thêm ví dụ để so sánh hiển bày.*

Người đắc đạo Bồ-đề như người tỉnh giấc nói việc trong chiêm bao, tâm dù sáng suốt nhưng làm sao lấy được những vật trong chiêm bao ra? Hướng chi không có nhân, vốn không thật có? Người trong mộng nhớ việc trong mộng, tuy có thể nói như vậy, nhưng chấp thì không được, vì cảnh mộng hoàn toàn không thật có. Người đắc Bồ-đề lại quán nhân thì dứt các vọng mê hoặc, đâu có thể nói như vậy, nhưng vì rốt ráo không có tự thể để đoạn diệt, lấy gì cho là vọng mà suy ra nhân đó.

Luận Khởi Tín nói: Giác tâm mới khởi, tâm không có tướng ban

đâu.

Lại nói: Vì bốn tướng xưa nay bình đẳng đồng một giác.

b.1.3) Nêu dụ hợp hiển:

Như chàng Diễn-Nhã-Đạt-Đa ở trong thành kia, đâu có nhân duyên gì mà tự sợ đầu mình bỏ chạy. Nếu chột hết điên, cái đầu đâu

phải từ ngoài mà được, dù chưa hết điên nhưng đầu cũng đau mắt. Nầy Phú-lâu-na! tánh vọng như thế do đâu mà có? Vì cuồng điên nên sợ cái đầu, nhân duyên đâu có, đầu không thể mất được, cuồng điên tự mình lại thực hành, mê hoặc chỉ là vọng nên có sinh diệt, tánh chân làm sao khi có khi không? Ông quán xét vọng như cuồng điên, nay chỉ chỗ nào là nhân?

* *Hiển bày chân vốn vô đắc, có hai:*

- Chánh nói, có hai:

+ Khuyên dứt duyên vọng.

Ông chỉ cần không phân biệt theo ba thứ nối nhau về nghiệp quả thế gian chúng sinh và, vì ba duyên cắt đứt nên ba nhân bất sinh, tánh điên cuồng của Diễn Nhã Đạt Đa trong ông tự dứt, phiền não là duyên, vì có công năng thấm nhuần nghiệp.

Sát sinh, v.v... là nhân, vì chính là nghiệp, phân biệt là thức, có công năng sinh ra phiền não.

Ba thứ nối nhau là sở phân biệt, vì phân biệt ba thứ này, nên gọi là Duyên.

Ba tức là duyên, có lúc trợ duyên cho ba thứ sát, đạo, dâm. Nên ba duyên phân biệt đã mất, nghiệp nhân không tạo tác, tâm cuồng điên trong ba cõi tự dứt.

Nên Luận Khởi Tín nói: Tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì xưa đến niệm niệm nối nhau, không hề lìa niệm, gọi là vô minh vô trí.

Lại nói: Vì xa lìa niệm nhỏ nhiệm, gọi là rốt ráo giác, niệm tức phân biệt, do một niệm bất sinh nên gọi là Phật, chính là nghĩa này.

+ *Hiển bày chân thể của mình:*

Dứt phiền não tức Bồ-đề, tâm cao siêu thanh tịnh sáng suốt vốn trùm khắp pháp giới, không từ người mà được, điều nhờ nhọc nhằn khẳng khái tu chứng mà có, phân biệt không sinh thì bờ trước sau đoạn, nên gọi là Dứt.

- Bồ-đề, Hán dịch là Giác.

Luận Khởi Tín nói: Nói về nghĩa giác, nghĩa là tâm thể lìa niệm. Tướng lìa niệm: Là đồng với hư không giới, biến hiện cùng khắp, pháp giới Nhất tướng tức là pháp thân bình đẳng của Như-lai, nương vào pháp thân này mà gọi là Bản giác. Cho nên, tâm cao siêu thanh tịnh sáng suốt vốn trùm khắp pháp giới, không từ người mà được. Đã nói từ người được là nói không do duyên khác mà vốn tự biết. Nhọc nhằn tu chứng vốn dứt sự phân biệt chỉ là hiển rõ giác. Nay phân biệt đã mất, tánh giác tự hiển cho nên nói đâu nhờ. Nhưng chẳng phải hoàn toàn

không tu hành, chỉ ngồi không sừng sững. Nếu vọng tưởng rõ ràng tự cho là đúng thì thật là lầm lẫn.

Nói khẳng khái là: Chút thịt nhỏ dính ở xương, Trang Tử nói chưa từng trải qua sự khẳng khái huống chi là xương to?

Nếu chấp vào mê hoặc có tự thể thật thì không thể đạt vọng tức không, bốn tướng bình đẳng, tất cả chỉ có Giác. Lại nói từ thô đến tế dứt hết vô minh mới đến Diệu giác, khác nào mổ bò không thể dao đâm ở chỗ huyết thì không thể chết, thấy toàn con bò, chỉ róc da thịt cho đến tận xương, đâu gọi là khéo được lý của bò?

** Dụ hiển:*

Thí như có người ở trong áo mình: là bị năm ấm che lấp, buộc hạt châu Như ý, là tánh giác tròn sáng mà tự mình không hay biết. Đây là do vô minh không hiểu rõ. Làm thuê làm mướn khắp nơi, đây là luân hồi lưu lạc trong sáu đường không dứt. Người ấy tuy nghèo nhưng hạt châu không hề mất, tuy trôi lăn trong sinh tử nhưng tánh giác vẫn thường nhiên. Bỗng có người biết chỉ cho hạt châu, là được Phật chỉ bày, sở nguyện tùy tâm, trở nên giàu có, là đại dụng hiện tiền, mới ngộ ra hạt châu không phải từ bên ngoài mà có, khi thử giác mới hợp, vốn không bị dao động. Nay vô thử thanh tịnh, trong kinh Pháp Hoa cũng có dụ này, kia y theo kết duyên, đây y theo bốn hữu, ý khác nhau.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm Nghĩa Sở Chú, quyển bốn Phần một.

